

Bản án số: 221/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2023.

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Chung;

2. Ông Phan Phước Tân.

- *Thư ký ghi biên bản:* Ông Nguyễn Hoàn Mỹ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Châu San – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 20, Ấp B, xã V, huyện A, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Trang Thành D, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 20, Ấp B, xã V, huyện A, tỉnh An Giang;

Tại phiên tòa bà N vắng mặt có đơn; ông D vắng mặt lần 2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng bà Đinh Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà N và ông D là do tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới rồi tiến đến hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại Ấp B, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông D có mối quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ khác, không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu và vô cớ đánh bà. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn gia đình ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn nên vợ chồng bà đã từ tháng 03/2021 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trang Thành D

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Trang Thanh H, sinh ngày 04/10/2007 và Trang Thị Ngọc Y, sinh ngày 13/10/2014, hiện đang sống cùng bà N. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải tình cảm mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông D.

Cháu Trang Thanh H có văn bản trình bày ý kiến: Cha mẹ cháu đã không sống chung với nhau khoảng hai năm nay. Hiện nay cháu đang ở với mẹ và không còn đi học. Cha mẹ ly hôn cháu không có ý kiến, nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ và không yêu cầu gì về cha.

Cháu Trang Thị Ngọc Y có văn bản trình bày ý kiến: Cha mẹ cháu đã không sống chung khoảng hai năm nay. Cháu đang học đến lớp 3 trường Tiểu học P, hiện nay cháu đang ở với mẹ và bà ngoại. Cha mẹ ly hôn cháu không có ý kiến, nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được ở với mẹ và không yêu cầu gì về cha.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông D theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông D và bà N để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Công an xã V và Biên bản xác minh

cùng ngày 16/5/2023 xác định không tìm thấy tên ông Trang Thanh D, sinh năm 1973 tại địa phương; hệ thống thể hiện tên Trang Thành D, sinh năm 1973, cư trú: Ấp B, xã V, huyện A, tỉnh An Giang, là con ông Trang Văn T và bà Nguyễn Thị M, có vợ tên Đinh Thị N, sinh năm 1984. Hiện ông D hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp B, xã V, huyện A, tỉnh An Giang chưa có thông tin tách chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Võ Thị C - mẹ ruột của bà N cho biết hôn nhân của bà N và ông D đúng như lời bà N trình bày. Ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông D có mối quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác, không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu và vô cớ đánh bà N dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vào khoảng tháng 3/2021, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên vợ chồng ông bà đã không sống chung từ đó cho đến nay. Ông bà có 02 con chung hiện đang sống với bà N. Nay bà N nhận thấy không còn tình cảm, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên xin ly hôn bà Cúc không có ý kiến, để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, bà N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông D đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà N chung sống với ông D đến năm 2021 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông D hiện có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà N và ông D xây dựng gia đình dựa trên sự tự nguyện, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 11/8/2011 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà N vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông D. Ông D nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến thể hiện việc bỏ mặc không có ý định hàn gắn tình cảm với bà N.

Tại phiên tòa hôm nay bà N vắng mặt đã thể hiện việc kiên quyết ly hôn và không thể quay lại chung sống với ông D. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ năm 2021 đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà N cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do trong quá trình chung sống ông D có mối quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ khác, không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của bà Võ Thị C là mẹ ruột của bà N. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 (hai) con chung tên Trang Thanh H, sinh ngày 04/10/2007 và Trang Thị Ngọc Y, sinh ngày 13/10/2014, hiện con chung đang sống cùng bà N. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi dạy con chung.

Đối với yêu cầu của bà N về con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi ông bà ly thân đến nay con chung được bà N nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt. Ngoài ra, cháu H và cháu Y đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà N nên theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N.

1. Về hôn nhân: Bà Đinh Thị N được ly hôn với ông Trang Thành D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 133 ngày 21/12/2015 của Ủy ban nhân dân xã V mang tên ông Trang Thành D và bà Đinh Thị N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Đinh Thị N được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Trang Thanh H, sinh ngày 04/10/2007 và Trang Thị Ngọc Y, sinh ngày 13/10/2014. Công nhận tự nguyện của bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Đinh Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008189 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà N nộp đủ).

Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2023), thời hạn kháng cáo của bà N và ông D được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thảo Ngân